

Số: /SNNMT-KL

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2026

V/v triển khai thực hiện nhiệm vụ điều tra,
kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2026-2027

Kính gửi¹:

- Sở Tài chính;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Sư đoàn 10;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các chủ rừng là tổ chức;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 23/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2027;

Để tổ chức thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh bảo đảm thống nhất, đúng trình tự, yêu cầu kỹ thuật, tiến độ và kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc Sở và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu

a) Tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng tại địa phương theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp (*được sửa đổi bởi điểm c khoản 17 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025*).

b) Thành lập Tổ công tác điều tra, kiểm kê rừng cấp xã để tổ chức triển khai nhiệm vụ trên địa bàn theo Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê rừng. Thành phần Tổ công tác do UBND cấp xã quyết định phù hợp điều kiện thực tế, trong đó phân công cụ thể lãnh đạo UBND cấp xã phụ trách; công chức, viên chức chuyên môn về lâm nghiệp, đất đai và các thành phần có liên quan; phối hợp với Hạt Kiểm lâm, Kiểm lâm làm việc tại địa bàn trong quá trình thực hiện.

c) Xây dựng Kế hoạch kiểm kê rừng cấp xã, trong đó xác định rõ: phạm vi, đối tượng, diện tích thực hiện; hồ sơ, bản đồ, dữ liệu cần rà soát; nhân lực thực

¹ Đính kèm danh sách gửi.

hiện; nhiệm vụ của từng thành viên; tiến độ thực hiện; cơ chế phối hợp với Hạt Kiểm lâm, chủ rừng và đơn vị thực hiện nhiệm vụ; sản phẩm và trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả.

Kế hoạch và Quyết định thành lập Tổ công tác gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Chi cục Kiểm lâm*) để theo dõi, tổng hợp trước khi triển khai kiểm kê rừng tại địa phương.

d) Tổ chức rà soát, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu về giao đất, cho thuê đất, giao rừng, cho thuê rừng, hồ sơ quản lý rừng, dữ liệu kiểm kê đất đai và các tài liệu có liên quan; xác định rõ chủ quản lý đối với từng diện tích rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng trên địa bàn.

đ) Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm (*Hạt Kiểm lâm khu vực*) tổ chức thực hiện kiểm kê đối với diện tích rừng, đất quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng và rừng tự nhiên, rừng trồng đã quy hoạch cho mục đích khác hoặc từ trước đến nay không thuộc quy hoạch lâm nghiệp thuộc phạm vi UBND cấp xã quản lý và các chủ rừng nhóm I trên địa bàn; kiểm tra hiện trường, xử lý các trường hợp chồng lấn, tranh chấp, chưa xác định rõ chủ quản lý.

e) Thực hiện việc xác nhận bản đồ kiểm kê rừng cấp xã, hồ sơ quản lý rừng cấp xã và hồ sơ quản lý rừng của chủ rừng nhóm I khi bản đồ, biểu số liệu, hồ sơ pháp lý và hiện trạng đã được rà soát, đối chiếu, thống nhất; chịu trách nhiệm đối với nội dung xác nhận và tổ chức quản lý, lưu trữ, cập nhật hồ sơ sau kiểm kê theo quy định.

2. Các chủ rừng là tổ chức (chủ rừng nhóm II)

a) Thành lập Tổ công tác điều tra, kiểm kê rừng của đơn vị do lãnh đạo đơn vị phụ trách; bố trí cán bộ chuyên môn về lâm nghiệp, quản lý đất đai, kế hoạch - tài chính và các bộ phận liên quan tham gia để tổ chức thực hiện.

b) Xây dựng Kế hoạch kiểm kê rừng của chủ rừng nhóm II, xác định cụ thể diện tích, ranh giới, hồ sơ pháp lý, khối lượng thực hiện; nhân lực, kinh phí; tiến độ và phương thức phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm, UBND cấp xã và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch và Quyết định thành lập Tổ công tác gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Chi cục Kiểm lâm*) để theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp.

c) Có trách nhiệm thực hiện kiểm kê rừng và chịu sự kiểm tra của cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Lâm nghiệp. Tổ chức kiểm kê toàn bộ diện tích rừng được giao, được cho thuê thuộc phạm vi, đối tượng kiểm kê; rà soát ranh giới, trạng thái, diện tích, trữ lượng, mục đích sử dụng; kê khai đầy đủ, trung thực theo hệ thống biểu kiểm kê; cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ do đơn vị kê khai.

d) Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm, UBND cấp xã và đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong kiểm tra hiện trường, hiệu chỉnh bản đồ, nghiệm thu,

bàn giao kết quả và lập hồ sơ quản lý rừng; tổ chức quản lý, lưu trữ, cập nhật hồ sơ sau kiểm kê theo quy định.

3. Về bố trí kinh phí kiểm kê rừng của các chủ rừng nhóm II

3.1. Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray và các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp (không bao gồm Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ)

Căn cứ khối lượng, dự toán đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 692/QĐ-UBND, chủ động rà soát, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm kê rừng năm 2027; lập dự toán theo đúng nội dung, khối lượng và định mức được phê duyệt, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí dự toán năm 2027 theo quy định; đồng thời phối hợp với Chi cục Kiểm lâm trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp kết quả.

3.2. Các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trực thuộc Sở

Lập nhu cầu, dự toán kinh phí năm 2027 theo khối lượng được phê duyệt, gửi Phòng Kế hoạch, Tài chính thuộc Sở tổng hợp, tham mưu phân khai kinh phí theo quy định; đồng thời phối hợp với Chi cục Kiểm lâm trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp kết quả.

3.3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sư đoàn 10, các tổ chức khác được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; các tổ chức, đơn vị trồng cao su trên đất lâm nghiệp và các tổ chức được Nhà nước giao, cho thuê đất để trồng rừng (bao gồm Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ)

Đối với diện tích thuộc phạm vi, đối tượng điều tra, kiểm kê rừng theo Quyết định số 692/QĐ-UBND, các đơn vị chủ động tự bố trí kinh phí từ nguồn tự chủ và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị để tổ chức thực hiện kiểm kê rừng theo đúng nội dung, định mức kinh tế - kỹ thuật, trình tự và sản phẩm theo quy định của pháp luật. Riêng hợp phần điều tra rừng được thực hiện bằng nguồn ngân sách tỉnh theo quy định.

4. Đề nghị Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan lập, tổng hợp dự toán; trên cơ sở dự toán, khối lượng và nguồn kinh phí đã được phê duyệt tại Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của UBND tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ năm 2027 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

5. Các đơn vị trực thuộc Sở

5.1. Chi cục Kiểm lâm

a) Là đơn vị đầu mối trực tiếp tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện bảo đảm theo quy định tại Điều 16, Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT; điểm c khoản 6

Điều 2 Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT, Kế hoạch số 228/KH-UBND, Quyết định số 692/QĐ-UBND và các hướng dẫn kỹ thuật có liên quan.

b) Khẩn trương tham mưu Tổ trưởng Tổ công tác điều tra, kiểm kê rừng tỉnh tổ chức họp Tổ công tác để triển khai nhiệm vụ; dự thảo phân công nhiệm vụ cụ thể cho Tổ trưởng, các Tổ phó và từng thành viên theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn phụ trách; đồng thời xây dựng, trình ban hành Kế hoạch làm việc của Tổ công tác, xác định rõ nội dung, tiến độ, đầu mối thực hiện, chế độ phối hợp và báo cáo. Hoàn thành việc tổ chức họp, phân công nhiệm vụ và ban hành Kế hoạch làm việc của Tổ công tác trước ngày 15/9/2026.

- Trên cơ sở nhiệm vụ, khối lượng và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng thuộc phạm vi Chi cục Kiểm lâm được giao theo quy định của pháp luật về đấu thầu; tổ chức quản lý việc thực hiện hợp đồng, theo dõi tiến độ, kiểm tra khối lượng, chất lượng sản phẩm, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định.

c) Đối với công tác điều tra rừng:

- Tham mưu tổ chức thực hiện các nội dung điều tra diện tích rừng, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng và các nội dung có liên quan theo Đề cương kỹ thuật được phê duyệt; bảo đảm trình tự chuẩn bị, điều tra thực địa, xử lý nội nghiệp, kiểm tra, nghiệm thu và hoàn thiện sản phẩm theo Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật Điều tra rừng.

- Chủ trì về chuyên môn trong việc rà soát, kế thừa, chuẩn hóa dữ liệu hiện có; phối hợp với đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong khai thác, xử lý ảnh viễn thám, xây dựng bản đồ, thiết kế và điều tra ô tiêu chuẩn, kiểm chứng thực địa và tổng hợp kết quả. Kế thừa, sử dụng sản phẩm bản đồ giải đoán ảnh do các Phân viện Điều tra, Quy hoạch rừng Đông Bắc Bộ và Tây Bắc Bộ đã thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum cũ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các sản phẩm của nhiệm vụ.

- Theo dõi, kiểm tra khối lượng, chất lượng sản phẩm; không để xảy ra trùng lặp khối lượng giữa các nội dung điều tra, kiểm kê hoặc giữa nhiệm vụ sử dụng ngân sách tỉnh với sản phẩm đã được cơ quan Trung ương hoặc nguồn kinh phí khác thực hiện.

d) Đối với công tác kiểm kê rừng:

- Chủ trì phối hợp với đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan chồng ghép bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ giao đất, giao rừng và các tài liệu liên quan trên nền ảnh viễn thám; xác định vị trí, ranh giới các chủ quản lý rừng; xây dựng bản đồ phục vụ kiểm kê rừng.

- Tổ chức bàn giao bản đồ, danh sách lô và tài liệu phục vụ kiểm kê cho các Hạt Kiểm lâm theo trình tự, thời hạn quy định tại Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT; chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm bàn giao cho các chủ quản lý rừng theo quy định.

- Hướng dẫn UBND cấp xã, chủ rừng nhóm II xây dựng kế hoạch kiểm kê

rừng; thành lập Tổ công tác điều tra, kiểm kê rừng; sử dụng thống nhất hệ thống biểu mẫu, mã lô, mã chủ rừng, cấu trúc dữ liệu và hồ sơ quản lý rừng.

- Hướng dẫn, phối hợp kiểm tra hiện trường, hiệu chỉnh vị trí, ranh giới, trạng thái, diện tích, trữ lượng và các thông tin thuộc tính của lô kiểm kê; giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các trường hợp chồng lấn, sai khác giữa hồ sơ pháp lý, bản đồ và hiện trạng thực tế.

- Tiếp nhận bản đồ kiểm kê rừng cấp xã, hồ sơ quản lý rừng cấp xã và hồ sơ quản lý rừng của chủ rừng nhóm I do UBND cấp xã xác nhận theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT; biên tập và hoàn thiện bản đồ kiểm kê rừng cấp tỉnh; xây dựng hệ thống biểu tổng hợp kết quả kiểm kê rừng, lập hồ sơ quản lý rừng cấp tỉnh; tổng hợp, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt, công bố kết quả kiểm kê rừng cấp tỉnh và gửi Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm theo quy định.

- e) Chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho UBND cấp xã, các chủ rừng và các đơn vị có liên quan; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện, kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc báo cáo Sở xem xét, chỉ đạo.

- f) Đối với công tác kiểm tra, nghiệm thu:

- Chi cục Kiểm lâm chủ trì tổ chức kiểm tra, nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm điều tra, kiểm kê rừng theo Đề cương kỹ thuật được phê duyệt và Sổ tay hướng dẫn kiểm tra, nghiệm thu điều tra, kiểm kê rừng; trực tiếp thực hiện các nội dung chuyên môn theo phân công, bảo đảm việc kiểm tra được tiến hành trong quá trình thực hiện và khi hoàn thành từng sản phẩm, hạng mục công việc.

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu, bản đồ, ảnh viễn thám và dữ liệu đầu vào; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm trung gian, chú trọng chất lượng giải đoán ảnh, bản đồ hiện trạng rừng, hệ thống ô đo đếm, phiếu điều tra, phiếu kiểm kê, số liệu đo đếm ngoài thực địa và việc hiệu chỉnh ranh giới, trạng thái rừng.

- Tổ chức hoặc phối hợp kiểm tra ngoại nghiệp bằng phương pháp kiểm tra lại tại thực địa và kiểm tra nội nghiệp đối với hồ sơ, bản đồ, số liệu, cơ sở dữ liệu; đối chiếu kết quả với các chỉ tiêu, mức sai số cho phép và phương pháp kiểm tra quy định trong Sổ tay hướng dẫn kiểm tra, nghiệm thu điều tra, kiểm kê rừng.

- Kiểm tra thành quả cuối cùng, bảo đảm sự thống nhất giữa bản đồ, bảng thuộc tính, số liệu điều tra gốc, hệ thống biểu tổng hợp, hồ sơ quản lý rừng và báo cáo kết quả; yêu cầu đơn vị thực hiện bổ sung, chỉnh sửa hoặc thực hiện lại các nội dung chưa đạt yêu cầu trước khi nghiệm thu; lập đầy đủ biên bản, phiếu kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra, nghiệm thu theo hệ thống biểu mẫu hướng dẫn.

5.2. Phòng Kế hoạch, Tài chính

- a) Là đầu mối tham mưu Sở về kế hoạch, dự toán và phân khai kinh phí thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng; phối hợp với Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị liên quan rà soát khối lượng, tiến độ, nhu cầu kinh phí theo Quyết định số 692/QĐ-UBND.

- b) Chủ trì tham mưu phân khai kinh phí được cấp có thẩm quyền giao cho

Chi cục Kiểm lâm và các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trực thuộc Sở, bảo đảm đúng đối tượng, nội dung, nguồn kinh phí, tiến độ thực hiện; không để xảy ra giao trùng, thanh toán trùng hoặc bố trí kinh phí vượt khối lượng đã được phê duyệt.

c) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

d) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí năm 2027 bảo đảm tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 228/KH-UBND và Quyết định số 692/QĐ-UBND.

5.3. Phòng Quản lý Đất đai

a) Chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cung cấp hồ sơ, dữ liệu đất đai phục vụ điều tra, kiểm kê rừng, gồm: hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất; hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; kết quả kiểm kê đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các tài liệu pháp lý có liên quan.

b) Phối hợp đối soát ranh giới, diện tích, đối tượng và mục đích sử dụng đất giữa hồ sơ, cơ sở dữ liệu đất đai với bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ giao rừng, cho thuê rừng và dữ liệu kiểm kê rừng; đồng thời rà soát sự phù hợp giữa hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch lâm nghiệp. Đối với khu vực chồng lấn, sai khác hoặc chưa thống nhất, tổng hợp, phân loại nguyên nhân, đề xuất hướng xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

c) Chủ trì về nội dung quản lý đất đai, phối hợp chuẩn hóa, đồng bộ thông tin về loại đất, mục đích sử dụng đất, đối tượng quản lý, sử dụng và hồ sơ pháp lý đất đai với dữ liệu điều tra, kiểm kê rừng, bảo đảm khả năng tích hợp, khai thác, đối chiếu với cơ sở dữ liệu đất đai và phục vụ rà soát, cập nhật quy hoạch theo quy định; bảo đảm dữ liệu điều tra, kiểm kê rừng có khả năng tích hợp, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch tỉnh.

6. Tiến độ thực hiện

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ tại Kế hoạch số 228/KH-UBND và Quyết định số 692/QĐ-UBND, trong đó:

- Công tác điều tra rừng thực hiện trong giai đoạn năm 2026 đến tháng 3/2027; tổng hợp, hoàn thiện kết quả điều tra trong tháng 4/2027.

- Tổ chức kiểm kê rừng từ tháng 4 đến tháng 6/2027.

- Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê và hồ sơ quản lý rừng trong tháng 7/2027.

- Hoàn thiện hồ sơ tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả kiểm kê rừng về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm*) trước ngày 30/8/2027.

Yêu cầu Chi cục Kiểm lâm ; Phòng Kế hoạch, Tài chính; Phòng Quản lý Đất đai và các đơn vị liên quan trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện; đề nghị Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu và các chủ rừng, cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung có khả năng làm thay đổi phạm vi, đối tượng, phương pháp kỹ thuật, sản phẩm, cơ cấu nguồn vốn hoặc tổng dự toán đã được phê duyệt, kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Chi cục Kiểm lâm*) để tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, PGĐ Sở (phụ trách L.Nghiệp);
- Tổ công tác điều tra, kiểm kê rừng tỉnh;
- Các Hạt Kiểm lâm khu vực;
- Lưu: VT, KHTC, CCKL_(NVM).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Văn Liêm